

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điều chỉnh, mở rộng Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn phục vụ dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn từ Km4+00 - Km18+500.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn phục vụ dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn từ Km4+00 - Km18+500;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 240/TTr-STC ngày 27/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điều chỉnh, mở rộng Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn phục vụ dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn từ Km4+00 - Km18+500.

- Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng.

- Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch:

a. Vị trí và phạm vi ranh giới: Khu đất phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, có giới cận như sau:

+ Phía Bắc giáp: đường đất và khu dân cư hiện trạng thôn Hòa Đồng, xã Cát Tân, huyện Phù Cát;

+ Phía Nam giáp: Khu tái định cư phường Nhơn Thành;

+ Phía Đông giáp: Khu tái định cư phường Nhơn Thành;

+ Phía Tây giáp: đường đất và khu dân cư hiện trạng thôn Hòa Đồng, xã Cát Tân, huyện Phù Cát.

b. Tổng diện tích quy hoạch điều chỉnh, mở rộng: 18.961,73 m².

- Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế lập đồ án quy hoạch: Công ty TNHH tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Phương.
- Thời gian thực hiện: Năm 2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
TỔNG CỘNG		114.174.000	104.592.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	7.735.000	7.002.000
2	Chi phí thiết kế quy hoạch	52.941.000	47.925.000
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	1.406.000	1.406.000
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	5.920.000	5.920.000
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	5.102.000	4.203.000
6	Chi phí lấy ý kiến cộng đồng	5.000.000	2.000.000
7	Chi phí công bố quy hoạch	5.000.000	5.000.000
8	Chi phí cắm mốc giới ra thực địa	15.000.000	15.000.000
9	Chi phí khảo sát địa hình	16.071.000	15.543.000
	+ Chi phí khảo sát địa hình		13.343.000
	+ Chi phí giám sát khảo sát		
	+ Chi phí thẩm tra hồ sơ khảo sát		2.200.000
10	Chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành		593.000
11	Chênh lệch do làm tròn số	-1.000	

2. Nguồn vốn

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	114.174	104.592	103.999	593	
Vốn ngân sách nhà nước	114.174	104.592	103.999	593	
Năm 2021	114.174	104.592	103.999	593	

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

b. Chi phí không tạo nên tài sản: **104.592.000 đồng** (*Một trăm lẻ tư triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

a. Trách nhiệm của chủ đầu tư: được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		104.592.000	
I	Vốn đã được thanh toán	103.999.000	
	Vốn Ngân sách tỉnh năm 2021	103.999.000	
II	Vốn chưa được thanh toán	593.000	

- Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng;

+ Tổng nợ phải trả: 593.000 đồng (*Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành*).

b. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản: không.

Điều 4. Ban GPMB tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng